

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2022/DS-ST
Ngày: 16 - 9 - 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận
2. Ông Nguyễn Minh Nhiễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 602/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1948; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị M: Luật sư Nguyễn Thành L là cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Hoàng Thị M là nguyên đơn như sau:

Ngày 06/02/2020 (Âm lịch) ông Trịnh Văn Đ (tên gọi khác là V) và vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm T (tên gọi khác là Thúy H) có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng/phần gồm 17 phần, mỗi tháng khai 01 lần do ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T làm đầu thảo. Khi góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng đầu thảo có lập danh sách hụi viên. Bà Hoàng Thị M có tham gia 01 phần lấy tên trong danh sách hụi là “Bác 2 Viễn” bà M là người hốt hụi chót với số tiền 31.300.000 đồng, theo thỏa thuận góp hụi thì mỗi người lĩnh hụi trả cho đầu thảo huê hồng là 700.000 đồng. Tuy nhiên ông Đ và bà T chỉ trả cho bà M được 10.000.000 đồng và còn nợ lại 21.300.000 đồng.

Nay bà Hoàng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị M với số tiền 21.300.000 đồng. Bà M không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa vị Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị M thống nhất với đơn khởi kiện và lời trình bày của bà M và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M.

- Ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T là đồng bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

Quan điểm của vị Đ diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt nên chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M. Buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho bà Hoàng Thị M số tiền nợ hụi 21.300.000 đồng.

Do bà M không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T.

Về quan hệ pháp luật: Bà Hoàng Thị M khởi kiện ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T để yêu cầu trả tiền nợ hui. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả số tiền đã hót hui 21.300.000 đồng của dây hui loại 2.000.000 đồng/phần gồm 17 phần, mở ngày 06/02/2020 (Âm lịch). Bà M không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M, qua các tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Hoàng Thị M với ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T có hợp đồng góp hui với nhau là có thật.

Tuy khi góp hui các bên không lập thành văn bản nhưng chủ hui có lập danh sách hui viên và gửi cho các hui viên tham gia, qua xác minh các hui viên trong dây hui như bà Trần Thị Sót, ông Trần Văn Hùng thì bà Hoàng Thị M có tham gia góp hui loại 2.000.000 đồng/phần gồm 17 phần, mỗi tháng khai 01 lần, mở ngày 06/02/2020 (Âm lịch) do ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T làm đầu thảo và là người hót hui sau cùng (hót hui chót). Bà T, ông Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã giao tiền hui đầy đủ cho bà M do đó đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Đồng thời theo thỏa thuận khi góp hui bà Nguyễn Thị Cẩm T là đầu thảo phải có nghĩa vụ giao tiền hui cho các thành viên được lĩnh tại mỗi kỳ mở hui. Do đó căn cứ vào Điều 15, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP việc bà Hoàng Thị M khởi kiện ông V, bà T để yêu cầu trả nợ hui là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét thấy ông Đ, bà T là vợ chồng, việc góp hui thu lợi cũng phục vụ cho nhu cầu của gia đình nên ông Đ, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà M số tiền nợ 21.300.000 đồng (đã trừ huê hồng đầu thảo) là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tiền lãi, do bà M không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm của Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do bà Hoàng Thị M được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ các điều 15, 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M. Buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Thị M số tiền 21.300.000 đồng của dây hụi loại 2.000.000 đồng/phần mở ngày 06/02/2020 (Âm lịch).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.065.000 đồng. Bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng